

Bản án số: 101/2024/DS-PT

Ngày: 13-03-2024

*“V/v Tranh chấp dân sự
về hợp đồng tặng cho tài sản,
đòi lại tài sản và đòi bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Chí Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2023/TLPT-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc *“Tranh chấp dân sự về hợp đồng tặng cho tài sản, đòi lại tài sản và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1965;

2. Bà Võ Thị D, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X sinh năm 1964; Địa chỉ: Thích Quảng Đ, Phường E Quận P, TP. Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Như Y (N), sinh năm 2000.

Địa chỉ: khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ 1, sinh năm 1975;

2. NLQ 2, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: khóm E, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

3. NLQ 3, sinh năm 1995;

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn trình bày:* Con trai chúng tôi là anh Trần Tấn T và Chị Nguyễn Thị Như Y có tình cảm và yêu thương nhau, cả hai thống nhất đi đến hôn nhân nên hai bên gia đình cũng thống nhất làm đám cưới cho hai con. Sau khi tổ chức đám cưới xong thì chị Như Y chỉ ở nhà chúng tôi được 21 ngày thì bỏ về nhà mẹ ruột của mình và sau đó bỏ trốn luôn cho tới nay không về lại nhà chồng. Khi chị Như Y bỏ đi thì đã lấy đi toàn bộ tiền, vàng mừng cưới của hai vợ chồng Tấn T và Như Y mà chúng tôi đã tặng cho hai đứa trong đám cưới. Đây là tài sản mà chúng tôi đã tích góp được, vì chúng tôi chỉ có 01 đứa con trai là anh Trần Tấn T. Sau đó chị Như Y còn chủ động làm đơn ly hôn đơn phương với con chúng tôi và thủ tục ly hôn nay cũng đã xong. Sau khi chị Như Y bỏ trốn đi thì chúng tôi tìm hiểu và được biết Như Y thuộc “giới tính thứ ba” (là không thích đàn ông, mà chỉ thích phụ nữ), sau khi biết được sự việc này gia đình chúng tôi sốc và suy sụp tinh thần, trong đó có bà Dngắt đi, phải nhập viện. Gia đình chúng tôi có đến gia đình chị Như Y để nói chuyện phải quấy và thương lượng giải quyết hậu quả mà gia đình chúng tôi gặp phải, nhưng cha mẹ chị Như Y không có thiện chí mà còn buông lời thách thức. Gia đình chúng tôi cho rằng chị Như Y và gia đình chị Như Y đã có sự tính toán từ trước nhằm để lừa dối gia đình tôi, lừa dối mọi người. Chị Như Y và cha mẹ chị Như Y là ông M và bà K đã có hành vi lừa dối gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất và tinh thần gia đình chúng tôi.

Nay chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chị Nguyễn Thị Như Y, NLQ 1 và NLQ 2 cùng trả lại cho chúng tôi tiền vàng mừng cưới, tiền làm đám cưới và tiền tổn thất tinh thần, gồm các khoản như sau:

+ Thứ nhất, tiền vàng mừng cưới là: Đôi bông tai 01 (một) chỉ vàng 24kara 9T8; 01 (một) Sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 24kara 9T8; 01 (Một) Bộ vòng ximen 07 (bảy) chỉ vàng 18kara; 01 (một) chiếc nhẫn 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 24kara 9T8; 02 (hai) chiếc nhẫn mỗi chiếc là 01 (một) chỉ vàng 24kara 9T8; 01 (Một) chiếc lắc tay 03 (ba) chỉ vàng 24 kara 9T8 và tiền lễ đưa cho nhà gái (tiền đồng) là 20.000.000đ.

+ Thứ hai, tiền làm đám là: Tiền chụp hình là 3.000.000đ, tiền 04 mâm quả là 2.000.000đ, tiền thuê áo cưới cô dâu là 5.000.000đ.

+ Thứ ba, tiền tổn thất tinh thần là 10 tháng lương cơ sở, thống nhất lấy mức lương cơ sở trước đây là 1.490.000đ.

Ngoài ra chúng tôi không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn trình bày:* Không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì phần tiền vàng cưới là nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D đã tặng cho vợ chồng tôi và anh T trong ngày cưới, như vậy đã là tài sản chung của chúng tôi rồi, sau đó vợ chồng chúng tôi đã bán và tiêu xài hết. Giữa tôi và anh T đã thống nhất ly hôn và đã thương lượng thỏa thuận đối với phần tài sản chung này xong rồi. Tôi có cam kết và có viết biên nhận sẽ trả lại cho anh T số tiền là 47.500.000đ, đây là tài sản chung sau khi tôi và anh T tính toán còn lại mà tôi phải chia cho anh T. Còn các yêu cầu còn lại của bên nguyên đơn thì tôi không thống nhất vì tiền làm đám cưới là bên nhà trai tự chịu bên họ. Tôi và anh T cũng đã ly hôn với nhau rồi và tôi cũng đã thống nhất chia tài sản chung với anh T rồi, nên không còn liên quan gì tới ông D và bà D nữa. Trước đó, tôi và anh T cũng tìm hiểu nhau và yêu thương nhau nên hai bên thống nhất tiến tới hôn nhân, việc chúng tôi kết hôn và ly hôn là tự nguyện của cả hai, chứ không ai lừa dối hay ép buộc ai cả. Tôi không lừa dối ai cả, vì sau khi về sống chung nhà với anh T thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, tôi thấy không hợp và không thể chung sống với nhau được nữa nên cả hai bên tôi và anh T mới quyết định thống nhất ly hôn với nhau. Đây là việc ngoài ý muốn của các bên, tôi cũng không muốn việc này xảy ra.

Ngoài ra tôi không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 1 và NLQ 2 trình bày:* Chúng tôi không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì chuyện này là chuyện của vợ chồng Như Y và Thi. Như Y và Thi cũng đã ly hôn, tiền bạc vàng cưới cũng đã thỏa thuận xong rồi. Chúng tôi không có liên quan gì đến việc này. Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của Như Y. Đây là việc ngoài ý muốn của các bên, chúng tôi cũng không muốn việc này, vì chúng tôi cũng muốn con cái sống hạnh phúc với nhau. Chúng tôi không lừa dối ai cả.

Ngoài ra chúng tôi không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Tấn T trình bày:* Tôi và chị Như Y có tự tìm hiểu nhau một thời gian gần 01 năm và sau đó cả hai thống nhất tự nguyện đi đến kết hôn, Như Y có nói với tôi là cưới nhanh trong năm, lúc đó tôi thấy cũng lạ lạ vì mới quen nhau chưa đầy một năm, nhưng do yêu nhau nên tôi cũng thống nhất tiến tới hôn nhân với Như Y. Việc thống nhất tiến tới hôn nhân giữa tôi và Như Y không ai ép buộc chúng tôi cả. Sau đó cả hai có đi đến đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước vào ngày 02/3/2023 và tổ chức tiệc cưới.

Sau khi đám cưới thì Như Y có về sống chung với tôi tại nhà tôi và cha mẹ tôi được 21 ngày, tới ngày 09/4/2023 (âm lịch) thì Như Y bỏ đi. Lúc Như Y bỏ đi thì Như Y có nhắn tin với tôi là đòi ly hôn, lúc đó tôi cũng không biết vì sao Như Y muốn ly hôn nữa, trong khi tôi cũng không có lỗi gì. Lúc đầu tôi không đồng ý, nhưng Như Y nói Nều lần quá và sau đó tôi phát hiện Như Y có “giới tính thứ 3” (là Như Y không thích đàn ông, mà chỉ thích phụ nữ), tôi xét thấy sống chung với nhau cũng không hạnh phúc nữa nên tôi thống nhất ly hôn với Như Y. Tôi và Như Y thống nhất ly hôn với nhau, con chung không có, tài sản chung thì chúng tôi tự thỏa thuận bên ngoài với nhau, không cần Tòa án giải quyết là Như Y sẽ chia trả lại tôi số tiền là 47.500.000đ, đây tài sản chung mà tôi được chia sau khi ly hôn, Như Y có viết biên nhận nợ số tiền này cho tôi và cam kết trong vòng 01 năm sẽ trả đủ cho tôi số tiền này. Khi cưới thì tài sản cũng có Nều, nhưng sau đó cả hai thống nhất bán đi một phần để xử lý các công việc, nên chỉ còn lại một ít. Về nợ chung thì không có. Tòa án đã ghi nhận sự tự nguyện này của chúng tôi và Tòa án đã ra quyết định ly hôn cho chúng tôi rồi. Mục đích cha mẹ tôi tặng cho chúng tôi là để cả hai có vốn làm ăn, sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc với nhau, nhưng nay chúng tôi lại ly hôn, Như Y lừa dối cha mẹ và tôi vì Như Y có “giới tính thứ 3”, mà còn làm bộ, giả vờ kết hôn với tôi để lấy tài sản cha mẹ tôi. Cha mẹ tôi thấy không phục, thấy bất công và không đáng bị mất tài sản nên kiện đòi lại. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Như Y trả lại tài sản mà cha mẹ tôi đã tặng cho chúng tôi khi tôi và Như Y cưới nhau, tiền làm đám cưới và tiền tổn thất tinh thần của mẹ tôi. Vì Như Y đã lừa dối để làm đám cưới với tôi nên cha mẹ tôi mới tặng cho tài sản này. Nay ly hôn thì phải trả lại tài sản này lại cho cha mẹ tôi.

Ngoài ra tôi không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Bị đơn thống nhất với quyết định bản án sơ thẩm;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng tặng cho tài sản, đòi lại tài sản và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” phù hợp với quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo; Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông D, bà D về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hôn nhân giữa anh T và chị Y dựa trên sự tự nguyện, hai bên đã có tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân nên đã đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung với anh T: chị Y nhận thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên giữa chị và anh T đã thống nhất thuận tình ly hôn; Nhận thấy, việc kết hôn và ly hôn giữa anh T và chị Y nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình và không trái với đạo đức xã hội.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại tiền vàng cưới: Nhận thấy, việc cha mẹ tặng cho tài sản con trong ngày cưới và trước ngày cưới là sự tự nguyện của các bên và việc này cũng đã hoàn thành, hai bên cũng đã làm đám cưới và về sống chung với nhau được một thời gian. Nên tài sản được cha mẹ tặng cho trong ngày cưới và trước ngày cưới đã là tài sản chung của vợ chồng anh Tấn T và chị Như Y.

Nguyên đơn cho rằng bị phía bị đơn đã lừa dối nhằm mục đích nhằm lấy tài sản, nhưng phía bị đơn không thừa nhận, nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, tuy Nêu những các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, bà D. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm Sát trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 6 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D phải chịu án phí là 5.806.500đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 4.897.500đ theo biên lai thu số 0001126 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Nguyên đơn Ông Trần Văn D và Bà Võ Thị D còn phải nộp tiếp số tiền là 909.000đ.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông D, bà D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000454 ngày 05/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Thị Võ Trinh

